

ĐỀ SỐ 01

Giáo viên: VŨ KHẮC NGỌC

Đây là đề thi tự luyện số 01 thuộc Khoá học PEN-I: Môn Hoá học- Thầy Vũ Khắc Ngọc - Khá-Giỏi. Để sử dụng hiệu quả, bạn cần làm trước các câu hỏi trong đề trước khi so sánh với đáp án và hướng dẫn giải chi tiết trong video bài giảng (phần 1, phần 2, phần 3, phần 4 và phần 5).

Cho biết khối lượng nguyên tử (theo đvC) của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Fe = 56; Cu = 64; Rb = 85,5; K = 39; Li = 7; Zn = 65; Ag = 108; Ba = 137; F = 19; Mg = 24; P = 31; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Br = 80; I = 127; Au = 197; Pb = 207; Ni = 59; Si = 28; Sn = 119.

Câu 1: Cho X là nguyên tố mà nguyên tử có phân lớp electron ngoài cùng là np^{2n+1} (n là số thứ tự của lớp). Trong số các phát biểu sau:

- (1) Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố Hóa học, X là nguyên tố kết thúc chu kỳ 2.
- (2) Đơn chất của X có khả năng oxi hóa tất cả các kim loại và phi kim khác.
- (3) Trong các hợp chất, X có thể mang các số oxi hóa -1, +1, +3, +5, +7.
- (4) So với các nguyên tố cùng chu kỳ, nguyên tử của X có bán kính nhỏ nhất.
- (5) Hợp chất của X với hydro khi tan trong nước tạo thành dung dịch có tính axit mạnh.

Số phát biểu đúng là

- A.1 B. 4 C.2 D.3

Câu 2 : Đốt cháy hoàn toàn 26,4 gam hỗn hợp A gồm CH_3OH , $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$ thu được 0,9 mol CO_2 và 1,4 mol H_2O . Mặt khác, nếu cho 26,4 gam A tác dụng hết với Na, thu được V lít khí H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 17,92 lít B. 11,2 lít C. 8,96 lít D. 6,72 lít

Câu 3 : Cho dãy các oxit sau: SO_2 , NO_2 , NO , CrO_3 , SO_3 , P_2O_5 , CO , N_2O_5 , N_2O . Số oxit trong dãy tác dụng được với H_2O ở điều kiện thường là

- A. 5 B. 7 C. 8 D. 6

Câu 4 : Cho X là tetrapeptit có công thức Gly – Ala – Val – Gly, Y là tripeptit có công thức Gly – Val – Ala. Đun m gam hỗn hợp A gồm X, Y có tỉ lệ mol tương ứng là 4:3 với dung dịch KOH vừa đủ, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được 257,36 gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 150,88 gam B. 155,44 gam C. 167,38 gam D. 212,12 gam

Câu 5 : Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Nguyên tố cacbon chỉ gồm những nguyên tử có cùng số đơn vị điện tích hạt nhân là 6.
- B. Các đồng vị của một nguyên tố hóa học đều có tính chất vật lí và hóa học giống nhau.
- C. Số đơn vị điện tích hạt nhân và số khối là những đặc trưng cơ bản của nguyên tử.
- D. Một nguyên tử có số hiệu là 29 và có số khối là 61 thì nguyên tử đó phải có 29 electron.

Câu 6 : Một hỗn hợp A gồm 3 chất hữu cơ đơn chức có số mol bằng nhau gồm CH_2O ; H_2CO_2 ; $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ đều có phản ứng với dung dịch nước Br_2 . Cho 0,3 mol hỗn hợp A tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 86,4 gam B. 64,8 gam C. 43,2 gam D. 21,6 gam

Câu 7 : Cho sơ đồ: $\text{but-1-in} \xrightarrow{+\text{HCl}} \text{X}_1 \xrightarrow{+\text{HCl}} \text{X}_2 \xrightarrow{+\text{NaOH}} \text{X}_3$

Công thức của X_3 là

- A. $\text{CH}_3\text{-CO-C}_2\text{H}_5$ B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CH}_2\text{CHO}$
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{-CO-COH}$ D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CH(OH)CH}_2\text{OH}$

Câu 8 : Đốt cháy hoàn toàn 11,8 gam hỗn hợp gồm một ancol no đơn chức và một anđehit no đơn chức có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử thu được 13,44 lít CO_2 (ở đktc) và 12,6 gam H_2O . Công thức cấu tạo của ancol và anđehit đã cho là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3CHO . B. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$, $\text{C}_3\text{H}_7\text{CHO}$.
C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$. D. CH_3OH , HCHO .

Câu 9 : Cho Ba kim loại lần lượt vào các dung dịch sau: NaHCO_3 , CuSO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, NaNO_3 , MgCl_2 . Số dung dịch có tạo thành kết tủa là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10 : Đem 28,6 gam hỗn hợp X gồm Al và Fe_3O_4 thực hiện phản ứng nhiệt nhôm trong điều kiện không có không khí, sau một thời gian thu được hỗn hợp Y. Chia Y thành 2 phần bằng nhau:

- Phần 1 cho phản ứng với dung dịch HNO_3 đặc nóng dư thu được 7,84 lít khí NO_2 (là sản phẩm khử duy nhất ở đktc).

- Phần 2 cho phản ứng vừa đủ với m gam dung dịch gồm HCl 7,3% và H_2SO_4 9,8%, sau phản ứng thu được 2,688 lít khí H_2 (đktc).

Giá trị của m là

- A. 160 B. 80 C. 320 D. 200

Câu 11 : Đề hydrat hóa 2-metylbutan-2-ol thu được sản phẩm chính là

- A. 3-metyl but-1-en B. Pent-1-en
C. 2-metyl but-1-en D. 2-metyl but-2-en

Câu 12 : Cho hỗn hợp X gồm a mol photpho và b mol lưu huỳnh. Hòa tan hoàn toàn X trong dung dịch HNO_3 đặc lấy dư 20% so với lượng cần dùng thu được dung dịch Y. Số mol NaOH cần dùng để trung hòa hết dung dịch Y là

- A. $(3a + 2b)$ mol B. $(3,2a + 1,6b)$ mol
C. $(1,2a + 3b)$ mol D. $(4a + 3,2b)$ mol

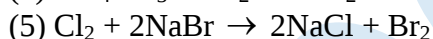
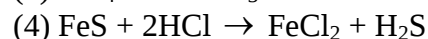
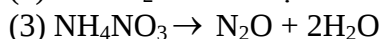
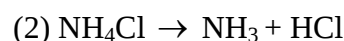
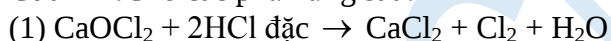
Câu 13 : Có các mệnh đề sau:

- 1, Chất béo là những este.
- 2, Các este không tan trong nước do chúng nhẹ hơn nước.
- 3, Các este không tan trong nước và nổi trên mặt nước là do chúng không tạo được liên kết hiđro với nước và nhẹ hơn nước.
- 4, Khi đun chất béo lỏng với hiđro có xúc tác Ni trong nồi hấp thì chúng chuyển thành chất béo rắn.
- 5, Chất béo lỏng là những triglixerit chứa gốc axit không no trong phân tử.

Các mệnh đề đúng là

- A. 3, 4, 5. B. 1, 3, 5. C. 1, 2, 4. D. 2, 3, 5.

Câu 14 : Cho các phản ứng sau:



Số phản ứng thuộc loại phản ứng oxi hóa – khử là

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 3

Câu 15 : Hòa tan 17 gam hỗn hợp X gồm K và Na vào nước được dung dịch Y và 6,72 lít H_2 (đktc). Để trung hòa một nửa dung dịch Y cần dùng dung dịch hỗn hợp H_2SO_4 và HCl (tỉ lệ mol 1 : 2). Tổng khối lượng muối được tạo ra trong dung dịch sau phản ứng là

- A. 42,05 gam B. 20,65 gam
C. 14,97 gam D. 21,025 gam

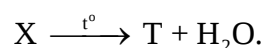
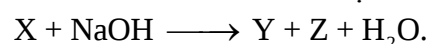
Câu 16 : Một lá Al được nối với một lá Zn ở một đầu, đầu còn lại của 2 thanh kim loại đều được nhúng trong dịch muối ăn. Tại chỗ nối của 2 thanh kim loại sẽ xảy ra quá trình

- A. Ion Zn^{2+} thu thêm 2e để tạo Zn. B. Ion Al^{3+} thu thêm 3e để tạo Al.
C. Electron di chuyển từ Al sang Zn. D. Electron di chuyển từ Zn sang Al.

Câu 17 : Hỗn hợp M gồm 2 axit cacboxylic đều no, mạch hở A, B (B hơn A một nhóm chức). Hóa hơi hoàn toàn m gam M thu được thể tích hơi bằng thể tích của 7 gam nitơ đo cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất. Nếu cho m gam M tác dụng với Na dư thu được 4,48 lít H_2 (đktc). Khi đốt cháy hoàn toàn m gam M thu được 28,6 gam CO_2 . Công thức phân tử của A và B là

- A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ và $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_4$. B. CH_2O_2 và $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_4$.
C. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ và $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_4$ D. CH_2O_2 và $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$.

Câu 18 : Muối X có thể được dùng để làm phân đạm và có các phản ứng sau:



Công thức của X là

- A. NH_4NO_3 . B. NH_4Cl . C. $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$ D. NH_4HCO_3 .

Câu 19 : Cho m gam hỗn hợp X gồm Cu và Fe_2O_3 vào dung dịch HCl, sau phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch Y chứa hai chất tan và còn lại 0,2m gam chất rắn chưa tan. Tách bỏ phần chưa tan, cho dung dịch AgNO_3 dư vào dung dịch Y thu được 86,16 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 17,92 gam. B. 20,16 gam. C. 22,40 gam. D. 26,88 gam.

Câu 20: X là một α – amino axit tự nhiên không thay thế (cơ thể người không tự tổng hợp được mà phải lấy từ thức ăn) có chứa lưu huỳnh. Trong quá trình sinh tổng hợp protein, X là amino axit mở đầu cho chuỗi peptit, sau đó bị loại bỏ trong quá trình biến đổi sau dịch mã. Trong công nghiệp dược, X được dùng làm thuốc bổ gan. Tên gọi của X là

- A. Tyrosin. B. Cystein. C. Methionin. D. Phenylalanin.

Câu 21 : Cho m gam X gồm Na và Al vào lượng dư nước thì thoát ra V lít khí. Nếu cũng cho m gam hỗn hợp X vào dung dịch NaOH dư thì thu được 2,2V lít khí. Thành phần phần trăm khối lượng Na trong X là (các khí đo ở cùng điều kiện)

- A. 22,12%. B. 24,68%. C. 39,87%. D. 29,87%.

Câu 22 : X là hợp chất thơm, có công thức phân tử $\text{C}_7\text{H}_8\text{O}_2$; 0,5a mol X phản ứng vừa hết a lít dung dịch NaOH 0,5M. Mặt khác nếu cho 0,1 mol X phản ứng với Na (dư) thu được 2,24 lít khí H_2 (ở đktc). Số công thức cấu tạo thỏa mãn các tính chất của X là

- A. 3 B. 5 C. 6 D. 4

Câu 23 : Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm các amin đồng đẳng của vinylamin thu được 41,8 gam CO_2 và 18,9 gam H_2O . Giá trị của m là

- A. 16,7 gam B. 17,1 gam C. 16,3 gam D. 15,9 gam

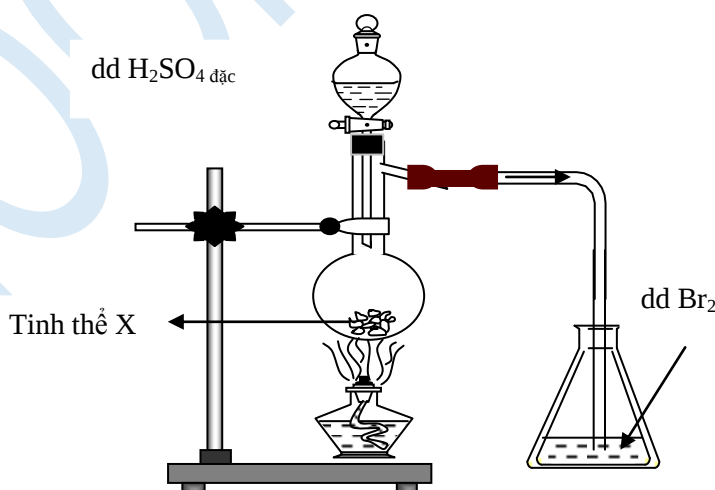
Câu 24 : Cho một số tính chất: Có cấu trúc polime dạng mạch nhánh (1); tan trong nước (2); tạo với dung dịch I_2 màu xanh (3); tạo dung dịch keo khi đun nóng (4); phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng (5); tham gia phản ứng tráng bạc (6). Các tính chất của tinh bột là

- A. (1); (3); (4) và (6) B. (3); (4); (5) và (6)
C. (1); (2); (3) và (4) D. (1); (3); (4) và (5)

Câu 25 : Hỗn hợp X gồm M_2CO_3 , MHCO_3 và MCl với M là kim loại kiềm. Nung nóng 20,29 gam hỗn hợp X, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thấy còn lại 18,74 gam chất rắn. Cũng đem 20,29 gam hỗn hợp X trên tác dụng hết với 500 ml dung dịch HCl 1M thì thoát ra 3,36 lít khí (đktc) và thu được dung dịch Y. Cho Y tác dụng với dung dịch AgNO_3 dư thì thu được 74,62 gam kết tủa. Kim loại M là

- A. Na. B. Li. C. K. D. Cs.

Câu 26: Cho hình vẽ sau:



Phản ứng xảy ra trong bình hứng (eclen) có thể là

- A. $\text{SO}_2 + \text{Br}_2 + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{HBr} + \text{H}_2\text{SO}_4$ B. $\text{HCl} + \text{Br}_2 \rightarrow 2\text{HBr} + \text{Cl}_2$
C. $5\text{Cl}_2 + \text{Br}_2 + 6\text{H}_2\text{O} \rightarrow 10\text{HCl} + 2\text{HBrO}_3$ D. $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{Br}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + 2\text{HBr}$

Câu 27 : Hỗn hợp A gồm 0,1 mol propenal và a mol khí hidro. Cho hỗn hợp A qua ống sứ nung nóng có chứa Ni làm xúc tác, thu được hỗn hợp B gồm propanal, propan-1-ol, propenal và 0,15 mol hidro. Tỉ khối hơi của hỗn hợp B so với metan bằng 1,55. Giá trị của a là

- A. 0,35 B. 0,3 C. 0,20 D. 0,25

Câu 28 : Cho vinylaxetat tác dụng với dung dịch Br_2 , sau đó thủy phân hoàn toàn sản phẩm thu được muối natri axetat và chất hữu cơ X. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{OH}$ B. $\text{O}=\text{CH}-\text{CH}_2\text{OH}$ C. $\text{CH}_3\text{CH}=\text{O}$ D. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$

Câu 29 : Hòa tan hoàn toàn 17,4 gam hỗn hợp Al, Fe, Cu có số mol bằng nhau trong dung dịch HNO_3 . Sau khi kết thúc phản ứng thu được 5,6 lít (đktc) khí NO (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X. Làm khô dung dịch X thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 63,9. B. 67. C. 60,8. D. 70,1.

Câu 30: Cho các muối: KCl, NH_4NO_3 , CH_3COOK , $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$, Na_2HPO_3 , BaCO_3 , NaHSO_3 . Số muối trung hoà là

- A. 6. B. 5. C. 7. D. 4.

Câu 31 : Este X được tạo thành từ axit oxalic và hai ancol đơn chức. Trong phân tử X, số nguyên tử cacbon nhiều hơn số nguyên tử oxi là 1. Khi cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, sau khi phản ứng hoàn toàn có 9,6 gam NaOH đã phản ứng. Giá trị của m là

- A. 14,5. B. 17,5. C. 15,84. D. 31,68.

Câu 32 : Kim loại có khả năng dẫn điện tốt nhất và kim loại có độ cứng cao nhất lần lượt là

- A. Ag và W. B. Al và Cu. C. Cu và Cr. D. Ag và Cr.

Câu 33 : Cho dung dịch X gồm 0,09 mol Na^+ ; 0,05 mol Ca^{2+} ; 0,08 mol Cl^- ; 0,1 mol HCO_3^- ; 0,01 mol NO_3^- . Để loại bỏ hết ion Ca^{2+} trong X cần dùng một lượng vừa đủ dung dịch chứa a gam $\text{Ca}(\text{OH})_2$. Giá trị của a là

- A. 2,96 B. 4,44 C. 7,4 D. 3,7

Câu 34 : Dãy nào dưới đây gồm các chất đều bị thủy phân trong dung dịch axit H_2SO_4 loãng, đun nóng?

- A. Tinh bột, vinyl fomat, protein, saccarozơ, fructozơ.
B. Triolein, cao su buna, polipeptit, etyl axetat, poli(vinyl axetat).
C. Tristearin, poli(vinyl axetat), glucozơ, nilon-6, polipeptit.
D. Xenlulozơ, policaproamit, tripanmitin, protein, saccarozơ.

Câu 35 : Xét cân bằng hóa học: $2\text{SO}_{2(\text{k})} + \text{O}_{2(\text{k})} \rightleftharpoons 2\text{SO}_{3(\text{k})}$, $\Delta H < 0$.

Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi giảm nồng độ SO_3 .
B. Cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi tăng nhiệt độ.
C. Cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi giảm áp suất của hệ phản ứng.
D. Cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi giảm nồng độ O_2 .

Câu 36 : Điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Tơ visco, tơ axetat là tơ tổng hợp.
B. Tơ tằm, bông, len là polime thiên nhiên.
C. Chất dẻo là những vật liệu bị biến dạng dưới tác dụng của nhiệt độ và áp suất mà vẫn giữ nguyên biến dạng đó khi thôi tác dụng.
D. Nilon-6,6 và tơ capron là poliamit.

Câu 37 : Đốt cháy hoàn toàn 4,872 gam một hidrocarbon X, dẫn sản phẩm cháy qua bình đựng dung dịch nước vôi trong. Sau phản ứng thu được 27,93 gam kết tủa và thấy khối lượng dung dịch giảm 5,586 gam. Công thức phân tử của X là

- A. CH_4 B. C_4H_8 C. C_4H_{10} D. C_3H_6

Câu 38 : Khi nhiệt phân hoàn toàn từng muối X, Y thì đều tạo ra số mol khí nhỏ hơn số mol muối tương ứng. Đốt một lượng nhỏ tinh thể Y trên đèn khí không màu, thấy ngọn lửa có màu vàng. Hai muối X, Y lần lượt là

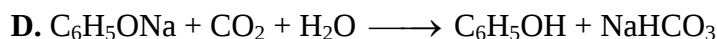
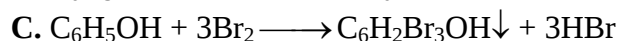
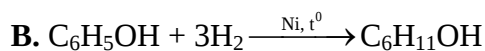
- A. KMnO_4 , NaNO_3 . B. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, NaNO_3 .
C. CaCO_3 , NaNO_3 . D. NaNO_3 , KNO_3

Câu 39: Cho m gam bột Cu vào 200 ml dung dịch AgNO_3 0,2M, sau phản ứng thu được 3,88 gam chất rắn X và dung dịch Y. Cho 2,925 gam bột Zn vào dung dịch Y sau phản ứng thu được 5,265 gam chất rắn Z và dung dịch chỉ chứa 1 muối duy nhất. Giá trị của m là

- A. 3,17 B. 2,56. C. 3,2. D. 1,92.

Câu 40 : Phản ứng nào dưới đây chứng tỏ rằng trong phân tử phenol có sự ảnh hưởng của gốc phenyl lên nhóm hydroxyl?

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH} + \text{NaOH} \longrightarrow \text{C}_6\text{H}_5\text{ONa} + \text{H}_2\text{O}$



Câu 41 : Polycaproamit (nilon-6) có thể điều chế được từ axit ϵ -aminocaproic hoặc caprolactam. Để có 8,475 kg nilon-6 (với hiệu suất các quá trình điều chế đều là 75%) thì khối lượng của axit ϵ -aminocaproic cần phải sử dụng nhiều hơn khối lượng caprolactam là

- A. 1,80 kg. B. 3,60 kg. C. 1,35 kg. D. 2,40 kg.

Câu 42 : Cho các axit có công thức phân tử: (1) H_2CO_3 ; (2) H_2CO_3 ; (3) $\text{H}_2\text{C}_2\text{O}_4$; (4) $\text{H}_4\text{C}_2\text{O}_2$. Tính axit của chúng giảm dần theo thứ tự

- A. (3) > (1) > (4) > (2). B. (3) > (4) > (1) > (2).
C. (1) > (4) > (3) > (2). D. (1) > (2) > (4) > (3).

Câu 43 : Cho andehit X mạch hở có công thức phân tử là $\text{C}_x\text{H}_y(\text{CHO})_z$. Cho 0,15 mol X phản ứng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 thì thu được 64,8 gam Ag. Cho 0,125a mol X phản ứng với H_2 dư (xúc tác Ni, đun nóng) thì thể tích H_2 phản ứng là 8,4a lít (đktc). Mối liên hệ giữa x và y là

- A. $2x - y - 2 = 0$. B. $2x - y - 4 = 0$. C. $2x - y + 2 = 0$. D. $2x - y + 4 = 0$.

Câu 44 : Dây gồm các chất có khả năng phản ứng tạo ra polime là

- A. etilen, buta-1,3-đien, cumen, axit adipic
B. 1,1,2,2-tetrafloeten, clorofom, propilen, isopren
C. stiren, phenol, acrylonitril, etylen glicol
D. alanin, metyl metacrylic, axit caproic, vinyl axetat

Câu 45 : Hiện tượng xảy ra khi cho dung dịch KOH loãng vào dung dịch $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ là

- A. Không có hiện tượng chuyển màu
B. Xuất hiện kết tủa trắng
C. Dung dịch từ màu vàng chuyển sang màu da cam
D. Dung dịch từ màu da cam chuyển sang màu vàng

Câu 46 : Khi nhiệt phân các chất rắn sau: NH_4NO_3 , NH_4NO_2 , NH_4HCO_3 , CaCO_3 , KMnO_4 , NaNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. Số trường hợp có phản ứng oxi hoá - khử xảy ra là

- A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

Câu 47 : Nung 66,20 gam $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ trong bình kín, sau một thời gian thu được 64,58 gam chất rắn và hỗn hợp khí X. Hấp thụ hoàn toàn X vào nước, được 3 lít dung dịch Y. Dung dịch Y có giá trị pH là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1

Câu 48 : Cho Al từ từ đến dư vào dung dịch hỗn hợp $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ thì thứ tự các ion bị khử là

- A. Ag^+ , Fe^{3+} , Cu^{2+} , Mg^{2+} B. Ag^+ , Fe^{3+} , Cu^{2+} , Fe^{2+}
C. Ag^+ , Cu^{2+} , Fe^{3+} , Mg^{2+} D. Fe^{3+} , Ag^+ , Cu^{2+} , Mg^{2+}

Câu 49 : Số liên kết peptit trong hợp chất: $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CONH}-\text{CH}(\text{C}_6\text{H}_5)-\text{CONH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{COOH}$ là

- A. 1 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 50 : Cho các dung dịch: $\text{Ba}(\text{OH})_2$; $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$; nước brom; KMnO_4 ; NaOH ; H_2SO_4 đặc. Chỉ bằng một lần thử, số dung dịch có thể dùng để nhận biết được SO_2 và SO_3 (coi cả 2 ở thể hơi) là

- A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

Giáo viên: Vũ Khắc Ngọc

Nguồn:  [Hocmai.vn](https://hocmai.vn)